KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NGÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Đinh Thị Phương Hoa
Trường Đại học Luật Hà Nội
Email: dinhphuonghoa.ecas@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết tập trung vào phân tích quá trình kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Qua đó, phản ánh thực trạng học tập tiếng Anh của sinh viên, đồng thời đánh giá công cụ kiểm tra năng lực tiếng Anh hiện hành cho sinh viên ngành Luật tại Trường. Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát ý kiến của 92 sinh viên ngành Luật đã học các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo. Kết quả cho thấy, hầu hết sinh viên đều hài lòng với cách thức kiểm tra đánh giá học phần tiếng Anh tại trường. Tuy nhiên, nhiều sinh viên cho rằng cần có sự phân loại năng lực tiếng Anh đầu vào để phân lớp học cho phù hợp trình độ của sinh viên và cần cải tiến phương pháp giảng dạy để giúp sinh viên nâng cao hiệu quả học tập môn tiếng Anh tại Trường.*

Từ khóa: *Kiểm tra, đánh giá, năng lực tiếng Anh, sinh viên, ngành Luật*

ASSESSMENT OF ENGLISH PROFICIENCY FOR LAW STUDENTS AT HANOI LAW UNIVERSITY

Đinh Thị Phương Hoa
Hanoi Law University
Email: dinhphuonghoa.ecas@gmail.com

Abstract*: This article focuses on analyzing the process of assessing English proficiency for Law students at Hanoi Law University. It reflects the current state of English language learning among students and evaluates the effectiveness of the current English proficiency assessment tools used for Law students at the University. The research was conducted through a survey of 92 Law students who have taken English language courses within their academic program. The results show that most students are satisfied with the current methods of English assessment. However, many students suggest that there should be a classification of English proficiency at the entry level to allow for appropriate class placement, as well as improvements in teaching methods to enhance learning outcomes in English courses at the University.*

Keywords*: Assessment, evaluation, English proficiency, students, Law major*

Nhận bài: 16/04/2025 *Phản biện: 20/05/2025* *Duyệt đăng: 25/05/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tình hình phát triển mới của đất nước so với khu vực và thế giới, Kết luận số 91-KL/TW ban hành ngày 12/8/2024 của Bộ chính trị, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đã xác định và chỉ đạo 9 nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục thực hiện NQ29, trong đó có nội dung: "Tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học". Đây là một mục tiêu, nhiệm vụ được đánh giá là đột phá, có vai trò quan trọng và cũng đầy thách thức. Nhiệm vụ này đặt trọng trách lớn đối với các cơ sở giáo dục trong việc đánh giá kiểm tra năng lực tiếng Anh cho sinh viên, trong đó có Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bài nghiên cứu nhằm tìm hiểu quá trình kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh cho khối sinh viên không chuyên ngành luật của Trường thông qua góc nhìn của sinh viên. Qua đó, nghiên cứu cũng phản ánh thực trạng học tập tiếng Anh và đưa ra các đánh giá đề xuất đối với bộ công cụ đánh giá năng lực tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật tại Trường.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2. 1. Kiểm tra-đánh giá và vai trò của kiểm tra-đánh giá trong quá trình giảng dạy

Kiểm tra - đánh giá (KT-ĐG) có 3 chức năng là so sánh, phản hồi và dự đoán. Muốn thực hiện được những chức năng trên thì phải tìm những phương tiện KT-ĐG chính xác, đúng mức và tin cậy. Bởi kiểm tra kết quả học tập được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình dạy học. Cowie & Bell (1999) cho rằng đánh giá có sự tác động vô cùng quan trọng đối với quá trình giáo dục nói chung giúp phát hiện và cải thiện quá trình học.

KT-ĐG thường dựa theo hai phương pháp:

Thứ nhất đó là phương pháp quan sát dùng để xác định những thái độ, những sự phản ứng vô thức, những kỹ năng thực hành và một số kỹ năng về nhận thức, chẳng hạn cách giải quyết vấn đề trong một tình huống đang được nghiên cứu. Thứ hai là phương pháp vấn đáp thường dùng với kiến thức rời rạc và khi hỏi một cách tự phát trong khi kiểm tra. Kiểm tra vấn đáp còn được dùng khi muốn đánh giá thái độ, phản ứng, kỹ năng xử lý tình huống của người học trong việc giải quyết vấn đề, v.v. Bên cạnh đó còn có các phương pháp kiểm tra khác như kiểm tra miệng, kiểm tra viết bằng trắc nghiệm tự luận - khách quan, kiểm tra thực hành, v.v. Các phương pháp đánh giá này cần dựa trên bộ công cụ đánh giá cụ thể như các bài kiểm tra theo hình thức viết và vấn đáp, có thể theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

2.2. Năng lực và năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh)

(a) Khái niệm "năng lực"

Có rất nhiều định nghĩa về năng lực và khái niệm này đang thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu. Năng lực hay khả năng, kỹ năng trong tiếng Việt có thể xem tương đương với các thuật ngữ "competence", "ability", "capability" ...trong tiếng Anh.

Theo từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên thì năng lực được hiểu theo 2 cách như sau: 1) *"Năng lực là chỉ khả năng, điều kiện tự nhiên có sẵn để thực hiệnmột hoạt động nào đó*" [1, tr.114]. Theo cách định nghĩa này thì năng lực là việc thành thạo một hay một số kỹ năng để giải quyết vấn đề; 2) *"Năng lực là phẩm chất tâm sinh lý tạo cho con người có khả năngđể hoàn thành một hoạt động nào đó có chất lượng cao"* [1, tr.114]. Định nghĩa này thể hiện năng lực như là phẩm chất có sẵn và giúp con người giải quyết những tình huống có thực trong cuộc sống một cách hiệu quả nhất.

Từ hai cách hiểu trên chúng ta có thể thấy năng lực vừa tồn tại ở dạng tiềm năng vừa là khả năng được bộc lộ thông qua quá trình giải quyết những vấn đề, tình huống có thực trong công việc, cuộc sống. Năng lực sẽ giúp con người giải quyết các vấn đề một cách nhanh chóng, hiệu quả, nâng cao chất lượng lao động.

(b) Chuẩn năng lực ngoại ngữ

Hiện nay tại Việt Nam, chuẩn năng lực ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh được đánh giá dựa trên các bài thi quốc tế và các bài thi trong nước, được đối sánh với hai khung phổ biến là Khung tham chiếu Châu Âu và Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Khung tham chiếu chung Châu Âu tên đầy đủ là Khung Quy chiếu về trình độ ngôn ngữ chung châu Âu (CEFR-Viết tắt của Common European Framework forReference), ra đời vào năm 2001, được phát triển bởi Hội đồng Châu Âu.Theo Đại học Cambridge–Anh quốc, Khung tham chiếu Châu Âu là một chuẩn quốc tế được công nhận và sử dụng để mô tả trình độ nắm vững ngôn ngữ, đặc biệt là năng lực giao tiếp của người học, đồng thời nhằm cung cấp một cơ sở chung trong việc thiết kế giáo trình,giới thiệu chương trình giảng dạy,thi cử, sách giáo khoa... trên toàn Châu Âu.

Khung trình độ chung châu Âu (CEFR) mô tả năng lực của người học dựa trên thang đo 06 bậc gồm các cấp độ: A1, A2, B1, B2, C1và C2. Cụ thể là, CEFR đánh giá năng lực ngoại ngữ theo 4 kĩnăng: Nghe, Nói, Đọc,Viết. Khung tham chiếu sẽ chỉ rõ cho người học họ đang ở mức độ nào trong khung năng lực từ cơ bản nhất cho đến cấp độ thành thạo. Không chỉ người học chọn khung tham chiếu này để xem năng lực của họ đến đâu và cần ở cấp độ nào,mà nhà tuyển dụng cũng cần để tuyển nhân sự có năng lực ngoại ngữ phù hợp cho công việc. Bên cạnh Khung tham chiếu chung Châu Âu, còn có một số Khung tham chiếu phổ biến hiện nay như IELTS, TOEIC, TOEFL, đều có thể quy chiếu sang CEFR. Các chuẩn năng lực ngoại ngữ tiếng Anh này đều được chấp nhận ở các cơ sở giáo dục cũng như ở các cơ quan, tổ chức có yêu cầu về tiếng Anh ở cả phạm vi quốc tế và tại Việt Nam.

2.3. Thực trạng về năng lực tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội

Kết quả khảo sát đối với 92 sinh viên K48 ngành Luật, đã và đang tham gia học 02 học phần tiếng Anh, gồm 7 tín chỉ (96 tiết) trong chương trình học tập toàn khóa 4 năm như sau:

2.3.1. Các yếu tố chủ quan từ phía sinh viên

a) Về động cơ và tâm lý:

Khoảng 85% sinh viên đã biết tiếng Anh trước khi vào đại học, nhưng 41% trong số đó đã quên gần hết do không nắm vững kiến thức, còn 43,4%

cảm thấy chán nản do phải học lại từ đầu hoặc cho rằng tiếng Anh không phải môn chuyên ngành nên không cần đầu tư thời gian. Dù vậy, 87% sinh viên bày tỏ mong muốn giao tiếp được bằng tiếng Anh và 50% nhận thức rõ vai trò quan trọng của ngôn ngữ này sau tốt nghiệp, nhưng tất cả đều thiếu tự tin khi nói tiếng Anh. Các lý do chính gồm: ngữ pháp phức tạp (100%), từ vựng khó nhớ (81,5%), phát âm kém (95,6%) và thiếu kiến thức nền. Đặc biệt, sinh viên từ vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn hơn.

b) Về khả năng phát âm:

76% sinh viên cho rằng không có khả năng phát âm giống người bản xứ. Việc phát âm chủ yếu dựa vào bắt chước giảng viên người Việt nhưng vẫn không đạt được chuẩn. 25% có thể phát âm sau khi được hướng dẫn nhưng nhanh chóng quên sau khi rời khỏi môi trường học.

c) Về vốn từ vựng:

32,6% sinh viên không có kiến thức từ vựng, 67,4% có trình độ trung bình nhưng không nhớ lâu. 65% hỏi giảng viên khi gặp từ mới, trong khi 43,4% chờ bạn khác hỏi. Tuy nhiên, 100% sinh viên cho biết có chuẩn bị bài trước ở nhà nên ít phải hỏi trên lớp.

d) Về trình độ ngữ pháp và cấu trúc:

45,6% sinh viên không nắm chắc ngữ pháp đã học, 38% quên kiến thức cũ và không chủ động điều chỉnh phương pháp học phù hợp với bậc đại học. Nhiều sinh viên học đối phó, thụ động khiến hiệu quả không cao.

e) Về khả năng nghe hiểu:

41,3% sinh viên không hiểu nội dung khi nghe băng đĩa, 13% hiểu ý chung nhưng không rõ từng câu, 21,7% chỉ nghe được các khẩu lệnh đơn giản, 34,7% chỉ hiểu phần đầu bài nghe.

f) Về tư duy logic và kiến thức nền:

75% sinh viên đã học tiếng Anh từ 7 năm trở lên nhưng chỉ 10–20% có chứng chỉ tiếng Anh. Chỉ 49% tích cực học và thực hành, trong đó chỉ 10–15% có khả năng làm việc nhóm sáng tạo. Phần lớn còn lại học thụ động, phụ thuộc vào bài mẫu, dẫn đến việc nhanh chóng quên kiến thức.

2.3.2. Các yếu tố khách quan liên quan đến dạy-học tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật

Cơ sở vật chất: Trang thiết bị phục vụ giảng dạy ngoại ngữ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Các phương tiện như máy cassette chất lượng thấp, máy chiếu, loa, micro và phòng học không phù hợp với việc dạy tiếng Anh chuyên ngành, gây khó khăn cho cả giảng viên và sinh viên.

Quy mô lớp học: Lớp học thường có sĩ số đông (35–40 sinh viên/lớp) và không được phân chia theo trình độ. Điều này khiến sinh viên có ít cơ hội thực hành, trong khi giảng viên khó hỗ trợ toàn diện. Sự chênh lệch trình độ khiến một số sinh viên cảm thấy nội dung học quá dễ và nhàm chán, trong khi số khác lại gặp khó khăn và không theo kịp.

Phương pháp giảng dạy: Theo khảo sát, 76% sinh viên cho rằng giảng viên vẫn sử dụng phương pháp dạy truyền thống, ít đổi mới, chủ yếu dựa vào giáo trình và giảng dạy bảng đen. Điều này làm giảm hứng thú học tập của sinh viên. Ngoài ra, 56,5% sinh viên học tiếng Anh với tâm lý bị ép buộc, dẫn đến thái độ học tập đối phó, thiếu chủ động và hợp tác trong các hoạt động học trên lớp.

2.3.3. Các yếu tố liên quan đến kiểm tra-đánh giá đánh năng lực tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật tại Trường

Sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội phải hoàn thành hai học phần tiếng Anh (Anh văn HP1 – 3 tín chỉ và HP2 – 4 tín chỉ) và đạt chuẩn đầu ra để đủ điều kiện tốt nghiệp. Sinh viên có thể nộp chứng chỉ tiếng Anh hợp lệ để được miễn học và quy đổi điểm.

Với sinh viên học đầy đủ hai học phần, điểm tổng kết gồm ba phần: 10% điểm đánh giá nhận thức, 30% bài thuyết trình nhóm (giữa kỳ), và 60% bài kiểm tra trắc nghiệm cuối kỳ. Kết quả khảo sát cho thấy 95,6% sinh viên đánh giá cơ cấu đánh giá là phù hợp. Tuy nhiên:

• **Với phần 10%**: 89% sinh viên đề nghị có bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng, công khai và thống nhất.

• **Với phần 30% thuyết trình**: 92,4% mong muốn giảng viên giám sát quá trình làm việc nhóm, hỗ trợ kỹ năng, đưa ra tiêu chí chấm điểm rõ ràng.

• **Với phần 60% cuối kỳ**: Gần 87% đánh giá hình thức trắc nghiệm phù hợp nhưng cần đảm bảo nội dung sát với chương trình học và tăng cường thực hành đọc–viết trong quá trình học.

Về chuẩn đầu ra, sinh viên có thể nộp chứng

chỉ quốc tế hoặc chứng chỉ theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, hoặc tham gia bài thi nội bộ của trường. 100% sinh viên hài lòng với hình thức hoàn thiện chuẩn đầu ra này. Tuy nhiên, chỉ khoảng 10–15% nộp chứng chỉ, còn lại chủ yếu thi nội bộ dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

2.4. Một số đề xuất kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội

2.4.1. Đối với các hình thức kiểm tra đánh giá quá trình

Để có thể kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh của sinh viên ngành Luật, cần có bộ công cụ đánh giá phù hợp đối với mỗi phương thức kiểm tra đánh giá. Cụ thể:

** Đối với kiểm tra, đánh giá thái độ, nhận thức 10%:* Giảng viên cần tăng cường các hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau. Chẳng hạn như: Thiết kế các bài tập về nhà theo hình thức thi kết thúc học phần, giao các chủ đề cho sinh viên làm việc nhóm ngoài giờ lên lớp theo hình thức ghi âm, quay video để giảng viên chấm

Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực tiếng Anh của sinh viên cả về kiến thức, kỹ năng nghe nói đọc viết, giảng viên cần đảm bảo:

- Tăng cường đầu tư thiết kế bài giảng linh hoạt, sáng tạo giúp sinh viên sử dụng được tiếng Anh trong thực tế và trước hết là thông qua các hoạt động nghe – nói. Do vậy, giảng viên phải giúp người học tham gia tối đa vào các hoạt động cơ học (mechanical drills) thông qua những loại hình bài tập như luyện phát âm (pronunciation practice), đọc to (reading aloud),...

- Giúp người học phải tự tìm ra các nguyên tắc ngữ pháp của học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng thông qua thực tiễn sử dụng trong các ngữ cảnh cụ thể. Muốn vậy, giảng viên cần đa dạng hóa các hoạt động giảng dạy, giúp người học tích cực tham gia vào các hoạt động giao tiếp: luyện hội thoại - Conversational activity, theo hình thức luyện đôi - Pair work hoặc theo nhóm - Group work, cũng như với hình thức luyện cả lớp - Class work (trong đó có luyện đồng thanh - Chorus work).

- Luôn luôn giám sát và hỗ trợ sinh viên kịp thời trong quá trình học; Giúp sinh viên học và phát hiện lỗi, sửa lỗi cùng nhau và cùng giảng viên trong quá trình học, giúp người học loại bỏ yếu tố tâm lý khi nói sai (đặc biệt loại bỏ các yếu tố bất ổn về tâm lý, e dè, sợ hãi,...). Vì vậy, giảng viên phải thực hiện với tư cách là người tạo điều kiện (facilitator), người khởi xướng (initiator), người dạy giúp người học tiến hành các hoạt động rèn luyện kĩ năng (the doers).

- Cần khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động trong và ngoài lớp học, tạo hứng thú học tập cho sinh viên thông qua nhiều biện pháp tạo hứng thú cho người học như chơi trò chơi, thiết kế bài giảng điện tử với nhiều hiệu ứng, bổ sung nhiều video, thông tin hữu ích cho bài giảng, hoặc thiết kế các hoạt động/ tình huống trải nghiệm thực tế để sinh viên vận dụng tiếng Anh; học tiếng Anh qua các hoạt động jigsaw, tranh biện, đóng vai, v.v.

** Đối với hình thức bài kiểm tra giữa kỳ 30%*: Để giúp đánh giá được kỹ năng nghe nói của sinh viên, cần đưa ra quy trình cụ thể thực hiện bài thuyết trình nhóm, có sự giám sát chặt chẽ của giảng viên. Bên cạnh đó, cần đưa ra tiêu chí chấm điểm cụ thể để giảng viên và sinh viên có thể đánh giá năng lực nghe nói của sinh viên thông qua các phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics). Bên cạnh đó, có thể linh hoạt hình thức thuyết trình nhóm như: quay video, sân khấu hóa theo hình thức đóng vai (role-play) hoặc thực hiện dự án (projects)

2.4.2. Đối với kiểm tra đánh giá tổng kết năng lực tiếng Anh

** Đối với hình thức kiểm tra cuối kỳ 60%:* Cần tiệm cận với dạng bài thi quốc tế chuẩn 4 kỹ năng và cần đầu tư cơ sở vật chất như phòng lab, phần mềm, máy tính, v.v để có thể thực hiện các bài kiểm tra 4 kỹ năng trên máy. Như vậy, có thể giải quyết được các hạn chế về giảng viên, cán bộ coi thi, hội trường thi. Đồng thời, tạo ra thách thức, áp lực để sinh viên vượt qua sức ỳ của bản thân, tạo động lực để mỗi sinh viên tự nâng cao năng lực tiếng Anh của chính mình.

** Đối với các hình thức đánh giá hoàn thiện chuẩn đầu ra tiếng Anh:* Để sinh viên có ý thức tự trau dồi, nâng cao năng lực tiếng Anh, cần hạn chế hoặc thậm chí bỏ hình thức thi chuẩn đầu ra nội bộ. Chỉ chấp nhận các chứng chỉ quốc tế và các chứng chỉ được Bộ GD-ĐT cấp phép cho các cơ sở giáo dục có uy tín tổ chức. Có như vậy,

năng lực tiếng Anh của sinh viên mới dần được cải thiện, giúp sinh viên thuận lợi trong quá trình tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Toàn cầu hoá và hợp tác cùng nhau phát triển là xu thế tất yếu của nhân loại trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, trong các cơ sở đào tạo đại học nói chung và ở Trường Đại học Luật Hà Nội nói riêng, năng lực tiếng Anh của sinh viên là một yếu tố then chốt để giúp bản thân sinh viên và cơ sở giáo dục đạt được các mục tiêu giáo dục theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế. Do vậy, việc kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh cũng là một khâu quan trọng đối với quá trình dạy và học tập môn tiếng Anh tại Trường. Từ thực tế các kết quả trên đây cho thấy nếu bộ công cụ kiểm tra đánh giá được thiết kế linh hoạt theo chuẩn công cụ đánh giá Việt Nam trên cơ sở kết hợp các hệ thống chuẩn công cụ đánh giá quốc tế và có thể tương đương với những chuẩn quốc tế nhất định. Thông qua đó, giảng viên có thể đánh giá được năng lực của sinh viên, làm cơ sở để đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo. Từ đó, có những cải tiến chương trình đào tạo, tìm các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, lựa chọn các tài nguồn học liệu khác nhau cho từng đối tượng sinh viên, sao cho những phương pháp và tài liệu học tập đó phù hợp và hiệu quả nhất đối với sinh viên của mình nhằm mục đích sinh viên đạt được những mức chuẩn đầu ra tiếng Anh đã đề ra sau khi kết thúc khóa học.và nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên ngành Luật tại Trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan, D. (1999). *Testing and Assessment.* English Teaching Professional, 11, 19-20.

2. Cowie, B., & Bell, B. (1999). A Model of Formative Assessment in Science Education. Assessment in Education: Principles, Policy & Practice, 6(1), 101-116.

3. Hoàng Phê. (2005). Từ điển tiếng Việt. NXB. Đà Nẵng

4. Kế hoạch 808/KH-BGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ Giáo dục đào tạo triển khai Đề án ngoại ngữ 2020 trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2012-2020

5. Kết luận số 91-KL/TW ban hành ngày 12/8/2024 của Bộ chính trị, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI.

6. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 ngày 02 tháng 11 năm 2005

7. Phan Long (2015). Vai trò của kiểm tra-đánh giá. Online Giáo dục- Thành phố Hồ Chí Minh, trích xuất từ: https://www.giaoduc.edu.vn/vai-tro-cua-kiem-tra-danh-gia.htm ngày 30 tháng 10 năm 2021.

8. Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020"